**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I- MỤC TIÊU**

1. Kiến thức – kĩ năng

a. Kiến thức:

- Biết phạm vi kiến thức Từ bài 31 đến bài 37

- Hiểu và nắm vững các đặc điểm chính về điều kiện tự nhiên dân cư -kinh tế của các vùng kinh tế đã học ( Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long)

- Vận dụng kiến thức đã học vào bài kiểm tra

b. Kĩ năng: Kỹ năng biểu đồ : Phân tích số liệu, tư duy liên hệ, tổng hợp so sánh

2. Định hướng phát triển năng lực :

\* Phẩm chất : Ý thức tự giác, độc lập khi làm bài kiểm tra

\*Năng lực chung: NL giải quyết vấn đề, NL luyện tập

\*Năng lực chuyên biệt :Sử dụng số liệu thống kê, liên hệ thực tiễn

**II. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ nhận biết** | | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** |
| **Chủ đề 1**  **Vùng Đông Nam Bộ** | Nhận biết VTĐL, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với sự PTKT-XH |  | Trình bày được đặc điểm phát triển KT của vùng |  |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 5  1.25  10,25% |  | 3  1,25  10,25% |  |  |  |  | 8  2,5  20,5% |
| **Chủ đề 2 :**  **Vùng ĐBSCL** | Trình bày được đặc điểm dân cư – XH  - Đặc điểm PTKT của vùng |  | Trình bày được đặc điểm tự nhiên, TNTN của vùng và tác động của chúng tới PT KT-XH. |  | Xác định được dạng biểu đồ | Xác định được dạng biểu đồ. Nhận xét được sự thay đổi sản lượng thủy sản ở ĐBSCL | Liên hệ với địa phương về vấn đề cải tạo đất bạc màu |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 2  0,5  0,5% |  | 3  1,5  10,5% |  | 1  0,25  0,25% | 1  2,5  20,5% | 1  1,5  10,5% | 9  6,25  60,25% |
| **Chủ đề 3 Phát triển tổng hợp KT và bảo vệ TNMT biển đảo** |  |  | Đặc điểm vùng biển nước ta |  |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1  1,25  10,25% |  |  |  |  | 1  1,25  10,25% |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 7  1,75  10,75% |  | 7  4 đ  40% |  | 1  0,25 đ  0,25% | 1  2,5 đ  20,5% | 1  1,5 đ  10,5% | 17  10 đ  100% |

**III. ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ**

1. PHẦN TRẮC NGHIỆM : 6điểm

\* ***Khoanh vào chữ cái đứng đầu ý em cho là đúng nhất.***

***Câu 1. Tên tỉnh, thành phố nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ:***

1. Đồng Nai
2. Đà Nẵng
3. Bình Thuận
4. Lâm Đồng

***Câu 2. Vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ có ý nghĩa :***

a. tạo điều kiện thuận lợi cho phát triện kinh tế, giao lưu với các vùng xung quanh và với quốc tế.

b. thuận lợi cho việc hợp tác với các nước trong tiểu vùng sông Mê Công

c. cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam

d. cầu nối giữa Tây Nguyên với biển

***Câu 3. Tỉnh nào sau đây của vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với Cam-Pu -Chia:***

a.Thành phố Hồ Chí Minh

b.Tây Ninh

c.Vũng Tàu

d.Đồng Nai

***Câu 4. Thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá là một trong 10 thành phố chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của hiện tượng nào sau đây?***

1. Ô nhiễm môi trường.
2. Biến đổi khí hậu.
3. Bùng nổ dân số.
4. Cạn kiệt tài nguyên

***Câu 5. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đông Nam Bộ là:***

a. Máy móc, thiết bị

b. Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

c. Dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng cao cấp.

d. Hàng tiêu dùng cao cấp.

***Câu 6. Nói: “ Đông Nam Bộ có sức hút mạnh nhất đầu tư nước ngoài”. Giải thích nào sau đây là đúng nhất?***

1. Vị trí thuận lợi, du lịch phát triển.
2. Tài nguyên phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
3. Vị trí thuận lợi, tài nguyên phong phú, lao động lành nghề.
4. Nguồn lao động dồi dào, đất đai màu mỡ.

***Câu 7. Cho bảng số liệu sau:***

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, năm 2002

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Diện tích  ( nghìn km2) | Dân số  ( triệu người) | GDP  ( nghìn tỉ đồng) |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 28,0 | 12,3 | 188,1 |
| Ba vùng kinh tế trọng điểm | 71,2 | 31,3 | 289,5 |

*Loại biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?*

1. Biểu đồ tròn
2. Biểu đồ miền.
3. Biểu đồ đường.
4. Biểu đồ cột chồng

***Câu 8. So với Đồng bằng sông Hồng, dân cư của Đồng bằng sông Cửu Long có diểm khác biệt là:***

1. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm ngư nghiệp.
2. Có số dân đông.
3. Mật độ dân số cao.
4. Có kinh nghiệm sản xuất nông sản hàng hóa.

***Câu 9: Ngành sản xuất chiếm tỉ trong cao nhất của Đồng bằng Sông Cửu Long:***

A. Chế biến lương thực thực phẩm

B. Vật liệu xây dựng

**C.** Hàng tiêu dùng

D. Cơ khí

***Câu 10: Tại sao phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng Sông Cửu Long?***

1. Khai thác thế mạnh sẵn có và khắc phục khó khăn về tự nhiên của vùng
2. Vào mùa khô, nước mặn sâm nhập làm tăng độ mặn

C. Khắc phục hiện tượng lũ kéo dài

D. Giúp vùng sử dụng hợp lí tài nguyên đất

***Câu 11: Khoáng sản nào sau đây tập trung với trữ lượng lớn ở vùng kinh tế Đông Nam Bộ:***

a. Than

b. Dầu mỏ

c.Thiếc

d.Đồng

***Câu 12: Hồ Dầu Tiếng thuộc tỉnh nào của vùng Đông Nam Bộ:***

a.Bình Phước

b.Tây Ninh

c.Biên Hòa

d.Đông Nai

***Câu 13: Hoàn thành đoạn thông tin sau.( 1,25 đ)***

Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài …………….. (1) và vùng biển rộng ….......

…………………(2) Vùng biển nước ta là một bộ phận của ……………………….(3) với nhiều đảo và quần đảo. Nguồn tài nguyên biển – đảo phong phú là tiền đề để phát triển nhiều ngành kinh tế biển …………………………………………………………………………………(4)

***Câu 14****:* ***Nối ghép sao cho đúng về các ngành kinh tế ở phía Nam .(0,75)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** | **Ghép cột** |
| 1. Bà Rịa - Vũng Tàu  2. Kiên Giang, An Giang, Long An, Đồng Tháp  3. Cát Tiên, U Minh Thượng, Phú Quốc... | a. Là các vườn quốc gia.  b. Du lịch sinh thái  c. Trung tâm công nghiệp khai thác dầu khí  d. Trồng nhiều lúa | 1 –  2 –  3 – |

***Câu 15: Ghép ý ở hai cột cho đúng với ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đối với sản xuất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long***.( 1đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm tự nhiên** | **Tác động đến sản xuất.** | **Ghép** |
| 1. Rừng ngập mặn chiếm diện tích rất lớn | A. Có thể cải tạo để mở rộng diện tích trồng lúa. | 1→ |
| 2. Diện tích đất phèn, mặn 2,5 triệu ha. | B. Phát triển mạnh nuôi tôm tập trung quy mô lớn, nguồn lợi hải sản phong phú. | 2→ |
| 3. Diện tích đất phù sa ngọt 1,2 triệu ha. | C.Giao đường bộ gặp nhiều khó khăn. | 3→ |
| 4. Có lũ vào mùa mưa. | D.Trồng lúa, cây ăn quả quy mô lớn | 4→ |

B. PHẦN TỰ LUẬN: 4đ

**Câu 16** : ( 2,5 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Bảng: Sản lượng thủy sản ở Đồng sông Cửu Long và cả nước (triệu tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2013 | 2015 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3,0 | 3,4 | 3,6 |
| Cả nước | 5,1 | 6,0 | 6,5 |

1. Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 1910 - 2015?
2. Từ biểu đồ đã vẽ nhận xét sự thay đổi sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước?

**Câu 3** : ( 1,5 điểm) Em hãy viết một đoạn thông tin khoảng 6-8 câu, trong đoạn thông tin đó đề cập đến giải pháp cải tạo đất bạc màu địa phương em?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM** ( 6 điểm )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | A | A | b | B | C | C | D | D | A | A | b | B |

Câu 13: (1) 3260 km (2) khoảng 1 triệu km2

(3) Biển Đông

(4) đánh bắt nuôi trồng và chế biến hải sản, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển, giao thông vận tải biển…

Câu 14: 1 – b ; 2 – d ; 3 – a

Câu 15 : 1 – B ; 2 – A ; 3 – D ; 4 - C

**B. PHẦN TỰ LUẬN** (4 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu hỏi*** | ***Nội dung*** | ***Điểm*** |
| ***Câu 16***  (2,5 điểm) | a. Vẽ biểu đồ hình cột, ghi đầy đủ: đơn vị cho các cột, chia đơn vị trục tung chính xác, có chú giải, tên biểu đồ.  b. Nhận xét:- Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước liên tục tăng (dẫn chứng)  - Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm hơn 50% sản lượng thủy sản cả nước (dẫn chứng) | 2,0  0,5 |
| ***Câu 17***  (1,5 điểm) | Đoạn thông tin đề cập đến giải pháp cải tạo đất bạc màu địa phương em:- HS đưa ít nhất 2 giải pháp hợp lí.  + Hạn chế dùng phân hóa học.  + Ủ cây xanh, rơm rạ sau thu hoạch mùa thành phân mục rồi rắc đều ra ruộng.  + Tăng cường bón phân chuồng đã ủ mục.  *- HS viết có phần mở đầu, phần nội dung chính, phần kết luận.*  *- Đoạn thông tin viết có tính hấp dẫn, logic.* | 0,5  0,5  0,5 |